

Số: 86/2022/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 26 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Ngô Tiến Phong.

Thư ký phiên họp: Bà Mai Thị Phương Anh.

Đại diện VKSND TP Hà Nội: Bà Ngô Phương Liên- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 77/2022/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” theo Quyết định mở phiên họp số 79/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022, gồm những người yêu cầu sau đây:

- **Chị Nguyễn Thu Tr, sinh năm 1984;** nơi đăng ký hộ khẩu và chỗ ở: Số 24bc phố A, phường Q, quận T, TP. Hà Nội; căn cước công dân số 001184000abc do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/4/2011.

- **Anh Nguyễn Trọng B, sinh năm 1984;** căn cước công dân số 001084001bcd do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 04/12/2013; nơi đăng ký hộ khẩu: Tổ 21 phường VT, quận H, thành phố Hà Nội; chỗ ở: Ul.Grunwaldzka abc Ostróda woj.Warminsko-Masbv, Ba Lan.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Chị Nguyễn Thu Tr trình bày: Tôi và anh Nguyễn Trọng B tự nguyện xây dựng gia đình và có đăng ký kết hôn ngày 07/11/2013 tại UBND phường VT, quận H, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bên nhau được một thời gian ngắn thì anh B lại sang Ba Lan làm việc còn tôi ở lại Việt Nam. Vợ chồng sống hạnh phúc năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do chúng tôi quá xa nhau về mặt địa lý, không thông cảm và tin tưởng ở nhau dẫn đến quan điểm bất đồng. Vợ chồng chúng tôi đã nhiều lần cố gắng hòa giải nhưng quan hệ hôn nhân không được cải thiện. Nay cả 02 cùng xác định không còn tình cảm với nhau nữa và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Trọng Trí, sinh ngày 22/10/2014. Sau ly hôn, tôi là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, anh B tự nguyện đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 10.000.000 đồng cho đến khi con chung đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi) tôi đồng ý.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Trọng B trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn anh B thống nhất như chị Tr đã trình bày. Mâu thuẫn giữa vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2020 do khoảng cách địa lý và bất đồng quan điểm sống. Anh thì mong muốn vợ chồng ở gần nhau nhưng mỗi người lại có quan điểm khác nên không thể hòa hợp. Nay anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn.

Về con chung: Đúng như chị Tr trình bày, ly hôn chúng tôi thỏa thuận, chị Tr là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Trọng Trí, sinh ngày 22/10/2014. Tôi tự nguyện đóng tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị Tr mỗi tháng là 10.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ khi ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp, có mặt chị Nguyễn Thu Tr, vắng mặt anh Nguyễn Trọng B. Anh B có đơn xin vắng mặt vì hiện nay đang sinh sống và làm việc tại Ba Lan, do tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp và lý do công việc nên không về Việt Nam được. Anh không có yêu cầu nhận văn bản tố tụng của Tòa án khi Tòa đang giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến: Về tố tụng, Tòa án đã tuân thủ đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Hôn nhân của Nguyễn Thu Tr và anh Nguyễn Trọng B có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên được pháp luật bảo vệ. Anh B và chị Tr có 01 con chung, ly hôn anh chị thỏa thuận, chị Tr là người trực tiếp nuôi con, anh B tự nguyện đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng là 10.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Về tài sản chung và vay nợ chung, anh chị cùng không yêu cầu giải quyết. Nay anh chị cùng xác định không còn tình cảm với nhau nữa và mong muốn ly hôn; xét thấy sự thuận tình ly hôn và các thỏa thuận khác của hai bên đương sự là phù hợp với pháp luật, do vậy đề nghị Tòa án chấp thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thu Tr và anh Nguyễn Trọng B có đơn đề nghị công nhận thuận tình ly hôn. Anh Nguyễn Trọng B hiện nay đang sinh sống tại Ba Lan nên theo quy định tại Điều 29, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thu Tr và anh Nguyễn Trọng B do cả 02 cùng tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/11/2013 tại Ủy ban nhân dân phường VT, quận H, thành phố Hà Nội, đúng quy định của pháp luật Việt Nam nên được pháp luật bảo vệ.

Anh B và chị Tr đều xác định cuộc sống hôn nhân phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2020, do khoảng cách địa lý và bất đồng quan điểm sống. Anh B đang sống và làm việc tại Ba Lan, chị Tr sống và làm việc tại Việt Nam. Anh chị đã nhiều lần nói chuyện, hòa giải nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng vẫn không thể giải quyết, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn.

Xét thấy, hôn nhân của hai anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của hai anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Trọng Trí, sinh ngày 22/10/2014. Khi ly hôn, anh chị tự nguyện thỏa thuận chị Tr là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, anh B tự nguyện đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Tr mỗi tháng là 10.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Xét thấy, thỏa thuận về con chung, cấp dưỡng nuôi con của anh B và chị Tr là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và vay nợ chung: Cả 02 anh chị đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về lệ phí: Chị Nguyễn Thu Tr tự nguyện chịu cả tiền lệ phí ly hôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 67, Điều 143, 146, 149, 367, 369, 370, 371 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về chế độ án phí, lệ phí Tòa án.

1. Công nhận yêu cầu thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thu Tr và anh Nguyễn Trọng B.

Chị Nguyễn Thu Tr và anh Nguyễn Trọng B được chấm dứt hôn nhân.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Về con chung: Sau ly hôn chị Nguyễn Thu Tr là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Trọng Trí, sinh ngày 22/4/2014 đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Trọng B phải có trách nhiệm đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Tr hàng tháng, mỗi tháng là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5 năm 2022 đến khi con chung đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh B có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Cả 02 anh chị cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về lệ phí: Chị Nguyễn Thu Tr tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn; số tiền trên được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà chị Tr đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0000715 ngày 20/4/2022 của Cục Thi hành án dân sự TP. Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ban hành./.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- UBND phường VT;
- Cục THA Dân sự TP. Hà Nội;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Ngô Tiến Phong